

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT.

Ngày: 21/01/2021

V/v : “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh.

Bà Trần Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh BG

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 08 và 21/01/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh BG xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 46/2020/TLPT- HNGĐ ngày 21/10/2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2020/HNGĐ - ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hh, tỉnh BG bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2020/QĐ-PT ngày 13/11/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐ-PT ngày 23/11/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐ-PT ngày 14/12/2020, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 08/01/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị Bích H , sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn Mai Phong, xã MT , huyện Hh, tỉnh BG.

(Có mặt tại phiên tòa ngày 08/01/2021, xin vắng mặt ngày 21/01/2021)

*** Bị đơn:** Anh Hoàng Văn P , sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn CT , xã MT , huyện Hh, tỉnh BG.

(Có mặt tại phiên tòa ngày 08/01/2021, vắng mặt ngày 21/01/2021)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Ngô Văn A, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Mai Phong, xã MT , huyện Hh, tỉnh BG.

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phòng 407, Cầu thang 2, Nhà A11, khu tập thể phường NT, quận C , TP Hà Nội.

3. Bà Ngô Thị Ch, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, khu 4A, phường Quang Hanh, thành phố CP, tỉnh QN.

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn CT , xã MT , huyện Hh, tỉnh BG.

* **Người kháng cáo:** Anh Hoàng Văn P. (Có mặt tại phiên tòa ngày 08/01/2021, vắng mặt ngày 21/01/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện xin ly và tại phiên tòa chị Ngô Thị Bích H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn P kết hôn vào ngày 29 tháng 4 năm 2009, trước khi cưới vợ chồng có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã MT , huyện Hh, tỉnh BG. Sau khi cưới thì chị về nhà anh P làm dâu ngay, sống chung cùng gia đình chồng một thời gian ngắn thì do cuộc sống và công việc nên vợ chồng chuyển lên sống ở Lào Cai rồi lại về Bắc Ninh để gần nơi làm việc. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P có quan hệ bất chính bên ngoài và quan hệ vợ chồng có nhiều rạn nứt từ đó. Đến năm 2016 khi chị đang mang thai cháu thứ hai anh P đã đánh đập chị rất may là chị không bị sảy thai. Khi con thứ hai được hơn một tuổi thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt nên chị về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6 năm 2018. Vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh P không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Hồng Phong, sinh ngày 20/01/2010 và Hoàng Phương Hiền, sinh ngày 09/01/2017. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị. Nay ly hôn chị đề nghị được nuôi hai con chung và yêu cầu anh P phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 750.000đ/1cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Trong trường hợp chị không được nuôi hai con chung chị đề nghị được nuôi con chung Hoàng Phương Hiền vì cháu là con gái lại còn nhỏ nên cần chị chăm sóc, còn anh P nuôi dưỡng con chung Hoàng Hồng Phong và không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Trong đơn khởi kiện chị H có đề nghị nợ của ai thì người đó tự trả. Tại các buổi làm việc và tại buổi hoà giải ngày 02 tháng 6 năm 2020 chị H khai do vợ chồng làm ăn thua lỗ và nợ rất nhiều nên chị hàng tháng vẫn phải trả nợ, chị biết hoàn cảnh hiện tại không thể vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ được nên hàng tháng chị vẫn trả những người đã cho vợ chồng vay cho cả anh P nữa nên trong đơn khởi kiện chị đã không yêu cầu anh P phải có trách nhiệm cùng trả nợ cho chị. Tuy nhiên, anh P không nhất trí đề nghị làm rõ các khoản nợ và yêu cầu chị có trách nhiệm về vấn đề này nên chị xác nhận trong thời kỳ hôn nhân chị và anh P có vay tiền của một số người như sau:

+ Vợ chồng có nợ của ông Ngô Văn A (Là bố đẻ của chị H) số tiền là 98.000.000đ.

+ Vợ chồng có nợ của bà Ngô Thị Ch (Là cô của chị H) 50.000.000đ – số tiền này anh P là người trực tiếp vay bà Ch .

+ Vợ chồng có nợ của ông Nguyễn Văn T (Họ hàng nhà anh P) số tiền là 210.000.000đ, đã trả được ông T 10 triệu đồng hiện nay còn nợ lại ông T số tiền 200 triệu đồng.

Chị đề nghị anh P phải cùng chị có trách nhiệm trả số nợ trên.

- Ruộng canh tác, tài sản riêng: không có chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Bị đơn là anh Hoàng Văn P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn vào ngày 29 tháng 4 năm 2009, trước khi cưới hai vợ chồng có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn ở UBND xã MT, huyện Hh, tỉnh BG. Sau khi kết hôn vợ chồng về đoàn tụ ngay và sống chung cùng với bố mẹ anh một thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng lên Lào Cai làm ăn, sau khi làm ăn ở Lào Cai về thì vợ chồng ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 09 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, mất lòng tin về nhau, không còn tin tưởng nhau nữa, khoảng đầu năm 2018 thì chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Sau khi chị H bỏ về mẹ đẻ ở thì anh không xuống đón chị H về nữa. Mâu thuẫn vợ chồng chưa được hai bên hoà giải nhưng vợ chồng đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hoà giải được. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Hồng Phong, sinh ngày 20/01/2010 và Hoàng Phương Hiền, sinh ngày 09/01/2017. Nay ly hôn anh đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Trong trường hợp anh không được nuôi hai con chung anh đề nghị được nuôi con chung Hoàng Phương Hiền và chị H nuôi dưỡng con chung Hoàng Hồng Phong và không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về công nợ: Tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 3 năm 2020 anh P có khai anh P đã vay của anh Nguyễn Văn S – sinh năm 1979 là người gốc ở Mai Trung, Hh, BG và hiện nay đang sống ở Hà Nội, địa chỉ cụ thể của anh Sang ở đâu anh cùng không rõ số tiền là 120.000.000đ để kinh doanh số tiền này anh đã đưa cho chị H. Tuy nhiên, tại biên bản hoà giải ngày 02 tháng 6 năm 2020, anh P có khai vay của anh Sang số tiền là: 240.000.000đ và anh đề nghị chị H có trách nhiệm trả cùng anh. Anh cũng đề nghị chị H đưa cho anh 60.000.000đ của số nợ anh Sang còn thiếu bao nhiêu anh sẽ trả nốt cho anh Sang.

Ngoài ra, tại biên bản hoà giải ngày 02 tháng 6 năm 2020 anh P cũng xác nhận vợ chồng có nợ của ông Ngô Văn A (Bố đẻ chị H) số tiền là 98 triệu đồng và bà Ngô Thị Ch (Cô của chị H) số tiền là 50 triệu đồng. Anh cũng xác nhận vợ chồng có nợ tiền của ông Nguyễn Văn T nhưng vợ chồng đã góp phùng để trả nợ cho ông T hết rồi. Ngoài ra, vợ chồng không còn nợ ai nữa.

- Về ruộng canh tác, tài sản riêng: vợ chồng không có, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, trong các biên bản làm việc với Toà án có khai:**

- Ông Ngô Văn A trình bày: Do chị H và anh P làm ăn kinh tế thua lỗ và không gặp nên phải vay tiền của nhiều người, ông cũng đã cho anh P và chị H vay tiền và trả nợ giúp anh chị ấy. Số tiền nợ đến nay là 98 triệu đồng, nay vợ chồng anh P và chị H ly hôn ông đề nghị Toà án buộc anh P và chị H phải trả ông số tiền nợ trên.

- Bà Ngô Thị Ch trình bày: Năm 2010, bà có cho vợ chồng anh P và chị H vay số tiền là 50 triệu đồng. Khi vay hai bên không có giấy tờ gì, trong thời gian vay đó

thì chị H đã trả cho bà được số tiền là 35 triệu đồng còn thiếu 15 triệu đồng nữa thì bà yêu cầu anh P và chị H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà.

- Ông Nguyễn Văn T trình bày: ông với anh P có quan hệ họ hàng với nhau và anh P là người đã trực tiếp gọi điện và hỏi vay tiền của ông nên ông đã đồng ý, sau đó chị H là người vào nhà ông lấy số tiền vay là 210 triệu đồng, khi vay chị H có ký vào giấy nhận nợ với ông. Do anh P và chị H có khó khăn về kinh tế nên ông đã tạo điều kiện cho anh P và chị H đóng tiền phưởng cho ông nhưng hai vợ chồng chỉ mới đóng cho ông được 10 triệu đồng thì không đóng nữa. Hiện nay vợ chồng anh P, chị H còn nợ ông số tiền là: 200.000.000đ. Nay ông biết được anh P và chị H đang giải quyết ly hôn tại Toà án, ông đã được Toà án thông báo và giải thích về việc phải nộp tạm ứng án phí để giải quyết công nợ với anh P, chị H. Tuy nhiên, ông cũng biết hiện nay anh P và chị H không có khả năng trả nợ ông nên tại thời điểm này ông chưa yêu cầu nên ông không nộp tiền tạm ứng án phí để yêu cầu Toà án giải quyết việc nợ giữa ông và vợ chồng chị H. Sau này, nếu cần thiết ông sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

- Anh Nguyễn Văn S trong buổi hoà giải tại Toà án ngày 19 tháng 05 năm 2020 đã trình bày: Do anh và anh P có mối quan hệ từ nhỏ với nhau, khi anh P có nhu cầu anh P đã hỏi vay anh số tiền là 200 triệu đồng. Anh P là người vay tiền và anh P ký vào giấy nhận nợ với anh, hai bên không thoả thuận gì với nhau về lãi suất và hạn ngày trả. Khi vay thì anh P cũng trả cho anh mỗi tháng khi thì 1,5 triệu đồng, khi thì 02 triệu đồng, khi thì 03 triệu đồng để trừ vào tiền gốc nhưng cụ thể đã trả được bao nhiêu và còn nợ lại bao nhiêu anh không nhớ cụ thể, buổi làm việc hôm nay anh cũng không mang giấy vay tiền để nộp cho Toà án. Tại buổi làm việc anh Sang có trình bày hiện tại anh không yêu cầu Toà án buộc anh P và chị H phải có trách nhiệm trả anh số tiền đã vay anh. Tại buổi hoà giải anh Sang có mặt nhưng không ký vào biên bản, cán bộ Toà án đã tiến hành giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số: 291/TB – TA ngày 19 tháng 5 năm 2020 cho anh Nguyễn Văn S và anh Sang ký đã nhận thông báo nộp tiền của Toà án Hiệp Hoà nhưng anh Sang đã không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

* Với nội dung nêu trên, bản án hôn nhân gia đình số 39/2020/HNGĐ-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hh, tỉnh BG đã quyết định:

Áp dụng: Điều 55; Điều 81; 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 136; Điều 147, điểm đ, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 217; Điều 218; khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Bích H và anh Hoàng Văn P ;

- Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Hồng Phong, sinh ngày 20/01/2010 và giao cho chị Ngô Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Phương Hiền, sinh ngày 09/01/2017. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, anh P và chị H được thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

- Về công nợ: Đình chỉ yêu cầu của ông Ngô Văn A và bà Ngô Thị Ch.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án, tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/9/2020 anh Hoàng Văn P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 39/2020/HNGĐ - ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hh, tỉnh BG, lý do bản án xét xử không đảm bảo đầy đủ thủ tục tố tụng, không công bằng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh. Cụ thể:

- Thời gian giải quyết vụ án kéo dài 13 tháng, khi xét xử thì vội vã, cẩu thả;
- Về công nợ chung không giải quyết mà chuyển sang vụ án khác;
- Không xác minh đầy đủ, không công bằng để yêu cầu người có quyền lợi liên quan phải nộp án phí;
- Chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn S nộp án phí bằng 10% giá trị công nợ mà không phải là 5%;
- Không triệu tập đầy đủ những người có quyền lợi liên quan như ông Tám, bà Ch để nguyên đơn, bị đơn được đối chất;
- Việc giải quyết nuôi con mang tính chủ quan, không lắng nghe ý kiến bị đơn mà theo ý nguyên đơn, không dựa trên ý kiến các con chung;
- Bị đơn không được quyền thay đổi thành phần Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ 2;
- Bị đơn không được thực hiện đầy đủ quyền tranh tụng;

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Anh P trình bày: Tôi xin rút lại toàn bộ nội dung kháng cáo đã nêu trong đơn kháng cáo. Nay tôi chỉ kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết phần công nợ của anh Nguyễn Văn S. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh BG sửa bản án sơ thẩm, xác định khoản nợ anh Sang 240 triệu đồng là nợ chung của vợ chồng và chị H phải chịu trách nhiệm đối với 5% khoản nợ, anh P chịu trách nhiệm 95% của khoản nợ này khi anh Sang đòi nợ.

- Chị H trình bày: Mặc dù tôi không được biết về việc anh P vay khoản nợ này của anh Sang nhưng để cho sự việc nhanh chóng kết thúc còn ổn định cuộc sống nên tôi chấp nhận quan điểm của anh P . Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét khoản nợ này là bao nhiêu vì khi anh S làm việc ở Tòa án nhân dân huyện Hh có trình bày là 200 triệu đồng chứ không phải 240 triệu đồng.

* Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ.

* Tại bản tự khai ngày 19/01/2021 anh Nguyễn Văn S trình bày: Do tôi và anh P có mối quan hệ từ nhỏ với nhau, khi anh P có nhu cầu kinh doanh đã hỏi vay tôi số tiền là 200 triệu đồng. Anh P là người vay tiền và anh P ký vào giấy nhận nợ với tôi. Chúng tôi không thỏa thuận gì về lãi suất và thời gian trả tiền. Sau khi vay thì anh P cũng trả cho tôi một số lần, lúc thì 1,5 triệu đồng, lúc thì 02 triệu đồng, lúc thì 03 triệu đồng để trừ vào tiền gốc. Tuy nhiên tôi không nhớ cụ thể anh P đã trả được bao nhiêu và còn nợ lại bao nhiêu tiền. Tại buổi làm việc với Tòa án nhân dân huyện Hh tôi không yêu cầu Toà án buộc anh P và chị H phải có trách nhiệm trả tôi số tiền đã vay vì hoàn cảnh gia đình bạn gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Nay tôi nhận được quyết định tạm ngừng phiên tòa của Tòa án nhân dân tỉnh BG và biết được thông tin tại phiên tòa anh P và chị H thỏa thuận để chị H chịu 5% trách nhiệm đối với khoản tiền vay của tôi, còn anh P chịu 95% số tiền vay này. Quan điểm của tôi là đồng ý với với thỏa thuận của anh P , chị H . Tuy nhiên tôi khẳng định lại là số tiền vay là 200 triệu

đồng chứ không phải là 240 triệu đồng như anh P trình bày với Tòa án. Hiện nay tôi chưa có yêu cầu đòi tiền của anh P , chị H . Sau này nếu không tự thỏa thuận được việc trả nợ tôi sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo nội dung đã thỏa thuận của anh P , chị H tương ứng với số % nghĩa vụ trả nợ tôi số tiền vay. Ngoài ra do tính chất công việc bận nên tôi xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa ngày 21/01/2021 anh Hoàng Văn P vắng mặt không có lý do; chị Ngô Thị Bích H vắng mặt có đơn xin vắng mặt và đồng ý chịu trách nhiệm chi trả 5% khoản nợ của anh Sang như đề nghị của anh P .

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của chị H kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật; anh P vắng mặt không có lý do là chấp hành không nghiêm túc quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu trong hồ sơ và diễn biến phiên tòa, sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh P . Căn cứ khoản 2, Điều 308; Điều 309- Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm số 39/2020/HHNGĐ-ST ngày 24/8/2020 của TAND huyện Hh, tỉnh BG theo hướng: Áp dụng Điều 27, Điều 37, Điều 59, Điều 60-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 5; khoản 2, Điều 284-Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463, Điều 466-Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định anh Hoàng Văn P và chị Ngô Thị Bích H có nghĩa vụ chung đối với khoản nợ 200 triệu đồng do anh P vay của anh Nguyễn Văn S. Khi anh Nguyễn Văn S có yêu cầu đòi nợ thì chị Ngô Thị Bích H có nghĩa vụ đối với 5% của khoản nợ, anh Hoàng Văn P có nghĩa vụ đối với 95% của khoản nợ.

- Án phí phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên căn cứ khoản 2, Điều 29- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, anh P không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả anh P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện Hh, tỉnh BG.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Hoàng Văn P được nộp cho Tòa án nhân dân huyện Hh trong thời hạn quy định của pháp luật và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do đó kháng cáo của anh P là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX thấy những người này đã có bản tự khai và quan điểm trong hồ sơ vụ án. Do đó sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Tại phiên tòa ngày 08/01/2021 HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật tại khoản 3, Điều 296- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của anh Hoàng Văn P , HĐXX thấy :

[3.1]. Tại đơn kháng cáo và văn bản trình bày bổ sung anh Hoàng Văn P kháng cáo cho rằng bản án xét xử không đảm bảo đầy đủ thủ tục tố tụng, không công bằng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án. Lý do cụ thể như sau:

- Thời gian giải quyết vụ án kéo dài 13 tháng nhưng khi xét xử sơ thẩm thì vội vã, cầu thả;
- Về công nợ chung không giải quyết mà chuyển sang vụ án khác;
- Không xác minh đầy đủ, không công bằng để yêu cầu người có quyền lợi liên quan phải nộp án phí;
- Chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn S nộp án phí bằng 10% giá trị công nợ mà không phải là 5%;
- Không triệu tập đầy đủ những người có quyền lợi liên quan như ông Tám, bà Ch để nguyên đơn, bị đơn được đối chất;
- Việc giải quyết nuôi con mang tính chủ quan, không lắng nghe ý kiến bị đơn mà theo ý nguyên đơn, không dựa trên ý kiến các con chung;
- Bị đơn không được quyền thay đổi thành phần HĐXX tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ 2;
- Bị đơn không được thực hiện đầy đủ quyền tranh tụng;

[3.2]. Tại phiên tòa ngày 08/01/2021 anh Hoàng Văn P đã thay đổi nội dung kháng cáo, anh xin rút các nội dung kháng cáo đã nêu, chỉ đề nghị HĐXX xem xét phần công nợ chung đối với anh Nguyễn Văn S, cụ thể: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh BG sửa bản án sơ thẩm, xác định khoản nợ anh Sang 240 triệu đồng là nợ chung của vợ chồng và chị H phải chịu trách nhiệm đối với 5% của khoản nợ này khi anh S đòi nợ, HĐXX thấy:

- Ngoài nội dung kháng cáo về khoản nợ đối với anh S không rút thì đối với các nội dung kháng cáo anh P đã thay đổi và xin rút. Đây là sự tự nguyện của anh P nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết những nội dung đó.

- Đối với việc anh P thay đổi nội dung kháng cáo nhưng không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên căn cứ khoản 2, Điều 284- Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX cần chấp nhận xem xét.

- Đối với khoản nợ của anh Nguyễn Văn S do chị H cũng đồng ý, tự nguyện xác nhận là nợ chung nên cần chấp nhận.

- Đối với số tiền vay anh Nguyễn Văn S căn cứ lời khai của anh S trong hồ sơ vụ án thể hiện anh S cho anh P vay số tiền 200 triệu đồng chứ không phải 240 triệu đồng như anh P khai. Do đó, HĐXX xác định khoản nợ vay anh S là 200 triệu đồng.

- Đối với quan điểm của anh P , chị H thỏa thuận tại phiên tòa ngày 08/01/2021 chị H phải chịu trách nhiệm đối với 5% của khoản nợ, anh P chịu trách nhiệm 95% của khoản nợ khi anh S đòi nợ, HĐXX thấy: Tại quá trình xét xử sơ thẩm anh P có yêu cầu Tòa án xem xét xác định khoản nợ vay anh S là nghĩa vụ chung của anh và chị H phát sinh trong thời kỳ hôn nhân; chị H không chấp nhận khoản nợ vay anh S; anh S xác định có cho anh P vay tiền nhưng hiện nay không có yêu cầu đòi nợ. Tòa án cấp sơ thẩm đã không đặt ra giải quyết việc trả nợ anh S mà dành quyền khởi kiện đòi nợ bằng vụ án khác khi anh S có yêu cầu. Quá trình xét xử phúc thẩm anh P , chị H , anh S có quan điểm đồng thuận về nghĩa vụ của chị H , anh P đối với khoản nợ nêu trên. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của anh P , chị H và được sự đồng ý của anh

Nguyễn Văn S. Việc thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX căn cứ Điều 27, Điều 37, Điều 59, Điều 60-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 5; khoản 2, Điều 284-Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, Điều 463, Điều 466-Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận nội dung này.

[4]. Từ những nội dung trên, trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn P, căn cứ khoản 2, Điều 308; Điều 309- Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm số 39/2020/HNGĐ - ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hh, tỉnh BG. Cụ thể:

Xác định anh Hoàng Văn P và chị Ngô Thị Bích H có nghĩa vụ chung đối với khoản nợ 200 triệu đồng do anh Hoàng Văn P vay của anh Nguyễn Văn S. Khi anh Nguyễn Văn S có yêu cầu đòi nợ 200 triệu đồng thì chị Ngô Thị Bích H có nghĩa vụ đối với 5% của khoản nợ, anh Hoàng Văn P có nghĩa vụ đối với 95% của khoản nợ.

[5]. Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 2, Điều 29- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Hoàng Văn P không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/ 0003879 ngày 03/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hh, tỉnh BG.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2, Điều 308; Điều 309 - Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn P .

2. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2020/HNGĐ - ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hh, tỉnh BG.

3. Áp dụng Điều 27, Điều 37, Điều 59, Điều 60-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 5; khoản 2, Điều 284; khoản 3, Điều 296-Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, Điều 463, Điều 466-Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 29- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Xác định anh Hoàng Văn P và chị Ngô Thị Bích H có nghĩa vụ chung đối với khoản nợ 200 triệu đồng do anh Hoàng Văn P vay của anh Nguyễn Văn S.

- Về việc trả nợ: Khi anh Nguyễn Văn S có yêu cầu đòi nợ số tiền 200 triệu đồng thì chị Ngô Thị Bích H có nghĩa vụ trả 5% khoản nợ, anh Hoàng Văn P có nghĩa vụ trả 95% khoản nợ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Hoàng Văn P không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Hoàng Văn P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/0003879 ngày 03/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hh, tỉnh BG.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BG;
- TAND huyện Hh;
- Chi cục THADS huyện Hh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Đương sự, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng

